

Bản án số: 62 /2020/HSST
Ngày: 15/8/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Liêu;
Ông Nguyễn Mạnh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Đàm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 70/2020/HSST ngày 24 tháng 7 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST – HS ngày 04 tháng 8 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn T (tên gọi khác: T bao), sinh năm 1982, tại tỉnh B.
Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Lưu Thị L; Bị cáo có vợ và 01 người con sinh năm 2008; tiền sự: Không
Tiền án: 02

Ngày 14/12/2015, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản, ngày 11/5/2016 bị cáo chấp hành xong.

Ngày 04/4/2017, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 năm 06 tháng tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, ngày 21/02/2019 bị cáo chấp hành xong.

Nhân thân: Ngày 08/6/2004, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 12 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/4/2020 cho đến nay, (có mặt).

2. Họ và tên: Huỳnh Ngô T1 (tên gọi khác: T1 già), sinh năm 1982, tại TP. Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Xuân H và bà Ngô Thị L; tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 01/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 24 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản tại Bản án số 78/2017/HSST, bị cáo chấp hành xong ngày 01/01/2019.

Nhân thân: Ngày 06/3/2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 20 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản.

Ngày 31/5/2006, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 24 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản.

Ngày 14/01/2010, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 36 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong và được xóa án tích.

Ngày 15/10/2013, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ra Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/4/2020 cho đến nay, (có mặt).

- *Bị hại:* Ông Dương Tam K, sinh năm 1957, (có mặt),

Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 08/4/2020, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô BS: 61F1-405.XXchở Huỳnh Ngô T1 đi từ xã B ra hướng xã MB huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Khi đi đến thôn X, xã S thì cả hai vào nhà ông Dương Tam K chơi nhưng lúc này nhà ông K khóa cửa đi vắng. Cả hai nhìn qua cánh cửa kính vào trong thì thấy 01 xe mô tô BS 60FN - 453.XXđang dựng trong nhà nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. T mở cốp xe lấy 01 kìm rồi cùng T1 phá ổ khóa trước cửa nhà ông K để vào lấy xe. Khi mở được cửa T1 vào dắt xe ra nổ máy và điều khiển đi về hướng xã Bình Minh, huyện Bù Đăng còn T điều khiển xe mô tô BS: 61F1-405.XXchạy theo sau, khi đến đoạn đường vắng cả hai đưa xe vừa lấy được vào lô cao su ven đường rồi tháo tem cùng biển số 60FN - 453.XXra thay bằng biển số giả 93F4 - 33XX rồi điều khiển xe về nhà T1 tại thôn 7, xã Bình Minh, huyện Bù Đăng cất giấu. Tại đây, T1 tiếp tục tháo бага và yếm chắn gió của xe rồi sử dụng làm phương tiện đi lại.

Ông K sau khi phát hiện mất tài sản đã làm đơn trình báo Công an. Ngày 10/4/2020, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của T1 và thu giữ xe mô tô trên cùng 01 бага xe đã được tháo rời, truy tìm thu hồi được biển số 60FN - 453.XXmà T1 và T đã vứt bỏ trước đó.

Tại Kết luận định giá tài sản số 42/KL-ĐG ngày 15/4/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Bù Đăng xác định: 01 xe mô tô biển số 60FN - 453.13, tại thời điểm xảy ra tội phạm trị giá 3.500.000 đồng.

- Về vật chứng vụ án:

01 xe mô tô biển số 60FN - 453.XX là tài sản của ông Dương Tam K. Ngày 07/5/2020, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng đã trả lại cho ông K.

01 biển số 93F4 - 33XX là biển số giả, 01 ổ khóa bị hư hỏng của nhà ông K, 01 đôi giày vải màu xanh, 01 áo khoác, 01 quần Jean của Huỳnh Ngô T1. Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng để phục vụ việc truy tố, xét xử.

01 cây kim mà T và T1 dùng để phá cửa và tem xe mô tô của ông K đã bị T và T1 vứt bỏ, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Đối với xe mô tô BS: 61F1- 405.XX là tài sản của anh Hà Văn T, khi cho T mượn xe anh T không biết T sử dụng vào việc phạm tội nên ngày 02/7/2020, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng đã trả lại xe cho anh T.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Tại Cáo trạng số 73/CT – VKS ngày 24/7/2020, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T về Tội trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Truy tố Huỳnh Ngô T1 về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Huỳnh Ngô T1 phạm Tội trộm cắp tài sản,

Về hình phạt đề nghị:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

- Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 24 đến 30 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, khoản 1, Điều 52, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

- Đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Ngô T1 từ 18 đến 24 tháng tù

Do hai bị cáo không có việc làm ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Các bị cáo Nguyễn Văn T và Huỳnh Ngô T1 thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng hai bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại không có yêu cầu gì về dân sự, đồng thời tại phiên Tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng và Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Vào ngày 08/4/2020, Nguyễn Văn T và Huỳnh Ngô T1 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 60FN - 453.XX của ông Dương Tam K tại thôn 6, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, giá trị tài sản bị thiệt hại là 3.500.000 đồng.

Lời khai nhận tội của hai bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm và hành vi phạm tội.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T và Huỳnh Ngô T1 đã phạm Tội trộm cắp tài sản.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T có 02 tiền án về các hành vi Trộm cắp tài sản và Tàng trữ trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Huỳnh Ngô T1 có 01 tiền án về Tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 173. Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

g) Tái phạm nguy hiểm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Như vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, chỉ vì lười lao động nhưng lại muốn có tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, hành vi của các bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương.

Xét toàn bộ vụ án, tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn. Trong đó bị cáo Huỳnh Ngô T1 là người khởi xướng và cũng là người thực hành. Bản thân bị cáo đã có tiền án về Tội trộm cắp tài sản, bị cáo chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm”. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân không tốt đã có 03 lần phạm tội, mặc dù đã được xóa án tích nhưng thể hiện bản tính coi thường pháp luật của bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T khi được bị cáo T1 rủ trộm cắp tài sản bị cáo không can ngăn mà còn giúp sức cho bị cáo T1. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm. Bản thân bị cáo đã có 02 tiền án về Tội trộm cắp tài sản và Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung “Tái phạm nguy hiểm”.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn T không có tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Huỳnh Ngô T1 phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hai bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét toàn bộ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của hai bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị

cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên miễn chấp hành hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo Nguyễn Văn T và Huỳnh Ngô T1.

[6] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- 01 xe mô tô biển số 60FN-453.XX là tài sản của ông Dương Tam K. Ngày 07/5/2020, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng đã trả lại cho ông K là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Cần tịch thu tiêu hủy: 01 biển số 93F4 - 33XX (là biển số giả), 01 ổ khóa bị hư hỏng của nhà ông K, 01 đôi giày vải màu xanh, 01 áo khoác, 01 quần Jean của Huỳnh Ngô T1.

Đối với xe mô tô BS: 61F1 - 405.XX là tài sản của anh Hà Văn Thụ, khi cho T mượn xe anh Thụ không biết T sử dụng vào việc phạm tội nên ngày 02/7/2020, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng đã trả lại xe cho anh Thụ là đúng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Dương Tam K đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Buộc hai bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với anh Hà Văn T3 cho bị cáo Nguyễn Văn T mượn xe tuy nhiên anh T không biết T3 dùng vào mục đích phạm tội nên không có căn cứ xử lý.

Quan điểm xử lý vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T và Huỳnh Ngô T1 phạm Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm g khoản 2, Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/4/2020.

Áp dụng khoản 1, Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51, điểm h, khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngô T1 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/4/2020.

[2] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 biển số 93F4 - 33XX là biển số giả, 01 ổ khóa bị hư hỏng của nhà ông K, 01 đôi giày vải màu xanh, 01 áo khoác, 01 quần Jean của Huỳnh Ngô T1.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T và Huỳnh Ngô T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước.
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Thanh